

Số: 292/2020/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 652/2019/TLST-DS ngày 08/10/2019 về vụ việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ardeer Victoria 3022, Australia.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 19 đường I, phường A1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 002260, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Duy C1, Thành phố Hồ Chí Minh.)

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 110 Đường F, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm :1962

Địa chỉ: Số 50/3/28B1 Đường U, phường 5, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Đặng Thị P, sinh năm : 1956

Địa chỉ: Số 44/1A Đường E, Phường A4, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đặng Thị O, sinh năm : 1973

Địa chỉ : Số 110 Đường F, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thị N, sinh năm : 1960

Địa chỉ : Số 173/35 Đường J, phường A3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Đặng Thị Thanh L, sinh năm: 1953

Địa chỉ: Số 23/28 Đường O, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Đặng Thị K, sinh năm: 1958

Địa chỉ : Số 276/29/32A Đường Y, phường Phường A5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Đặng Thị D, sinh năm: 1952

Địa chỉ: Số 55F, khu phố 3, phường A6, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1966,

Địa chỉ: Số 125/4, đường số 16, phường A7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ông bà Đặng Văn Đ, Đặng Thị P, Đặng Thị O, Đặng Thị N, Đặng Thị Thanh L, Đặng Thị K, Đặng Thị D, Đặng Văn T cùng quyền cho bà:

Bà Trần Thị C, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 19 đường I, phường A1, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 003423, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Duy C1, Thành phố Hồ Chí Minh.).

9. Ông Trương Văn N1, sinh năm: 1958

10. Bà Lê Thị Mỹ L1, sinh năm: 1966

11. Bà Trương Thị Trà M, sinh năm: 1986

12. Ông Trương Đức A, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: 110 Đường F, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế: Ông Đặng Văn T1 (đã chết năm 2001) có cha là ông Đặng Văn M1 ông và mẹ là bà Nguyễn Thị N2. Đều chết trước năm 1975 (không có làm chứng tử).

Bà Phan Thị T2 (đã chết năm 2010) có cha là ông Phan Văn L2 và mẹ là bà Thái Thị L3. Đều chết trước năm 1975 (không có làm chứng tử).

Ông T1 và bà T2 có tổng cộng 10 người con là:

- Ông Đặng Văn Đ, sinh năm: 1962

- Bà Đặng Thị P, sinh năm: 1956

- Bà Đặng Thị O, sinh năm: 1973

- Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1960

- Bà Đặng Thị Thanh L, sinh năm: 1953

- Bà Đặng Thị K, sinh năm: 1958

- Bà Đặng Thị D, sinh năm: 1952
- Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1966
- Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1964
- Ông Đặng Văn H, sinh năm: 1975

Ngoài 10 người con này không có con nuôi hay con riêng nào khác nữa.

2. Về di sản thừa kế: Là căn nhà số 110, đường Đường F, phường A2, quận P, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02570 do Ủy ban nhân dân quận P cấp ngày 10/6/2005 do ông Đặng Văn T1 và bà Phan Thị T2 đứng tên.

Đồng ý thống nhất nhà đất tọa lạc tại căn nhà số 110, đường Đường F, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là 7.788.000.000 (Bảy tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng) đồng theo chứng thư thẩm định số 0920/2020/CT ngày 17/02/2020 của Công ty TNHH tư vấn và thẩm định V2.

Chia di sản của Ông T1 và bà T2 thành 11 phần bằng nhau, riêng ông H được nhận 02 phần, 09 phần còn lại chia đều cho các đồng thừa kế.

Các bên thỏa thuận đồng ý bán tài sản là nhà đất tọa lạc tại căn nhà số 110, đường Đường F, phường A2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để chia di sản thừa kế.

Trường hợp các anh chị em không tự thỏa thuận bán được thì một trong các bên đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán tài sản của cha mẹ để chia theo tỷ lệ như đã thỏa thuận nêu trên.

3. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Thị S tự nguyện chịu án phí sơ thẩm cho bị đơn ông Đặng Văn H.

Chia di sản thừa kế Ông T1 và bà T2 làm 11 (mười một) phần bằng nhau mỗi người thừa kế được hưởng 01 kỷ phần. Mỗi kỷ phần tương đương số tiền 7.788.000.000 đồng : 11 phần = 708.000.000 đồng.

Ông Đặng Văn H được nhận 02 phần: $708.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 1.416.000.000 \text{ đồng}$.

Các ông bà Đặng Thị S, Đặng Văn Đ, Đặng Thị P, Đặng Thị O, Đặng Thị N, Đặng Thị Thanh L, Đặng Thị K, Đặng Thị D, Đặng Văn T mỗi người được hưởng kỷ phần là 708.000.000 đồng.

Các ông bà Đặng Thị P, Đặng Thị N, Đặng Thị Thanh L, Đặng Thị K, Đặng Thị D được miễn được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đặng Văn H phải chịu số tiền án phí là 27.240.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ngàn).

Các ông bà Đặng Thị S, Đặng Văn T, Đặng Thị O, Đặng Văn Đ mỗi người phải chịu án phí là 16.160.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi ngàn).

Riêng bà Đặng Thị S phải chịu án phí là 27.240.000 đồng + 16.160.000 đồng = 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm ngàn) được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024653 ngày 07/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu), bà còn phải đóng thêm 38.400.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Trang